

Số: 13 /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 07 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

Căn cứ Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo Khoản 6, Điều 28, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công Thương quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lai Châu;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định phân cấp thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về phân cấp thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Sở Công Thương; Ban Quản lý khu kinh tế; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công thương trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Phân cấp thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

1. Phân cấp thẩm quyền giải quyết đối với 36 thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này như sau:

a) Sở Công Thương thực hiện cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn được giao quản lý.

2. Phân cấp cho Sở Công Thương thực hiện giải quyết 32 thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ đối với các thủ tục hành chính đã phân cấp.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính được phân cấp tại Điều 2 Quyết định này. Định kỳ hàng năm (Chậm nhất vào ngày 25/12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến nhiệm vụ được phân cấp hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính được phân cấp tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định này. Định kỳ hàng năm (Chậm nhất vào ngày 25/12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến nhiệm vụ được phân cấp hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07/02/2026 đến ngày 28/02/2027.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
 - Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
 - Đại biểu Quốc hội tỉnh Lai Châu;
 - Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - UBND các xã, phường;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - TT Tin học - Công báo;
 - Báo và PT-TH tỉnh;
 - Văn phòng UBND tỉnh: V, C;
 - Lưu: VT, Kt10.
- (B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giảng A Tính

Phụ lục I
DANH MỤC TÊN TỤC HÀNH CHÍNH PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D
2	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E
3	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK
4	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ
5	2.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI
6	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ
7	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S
8	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X
9	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ
10	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC
11	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK
12	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV
13	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A
14	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B
15	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hoá xuất khẩu đi Châu Phi)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
16	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)
17	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru
18	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ
19	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela
20	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập
21	1.001370	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa
22	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau
23	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)
24	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng
25	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP
26	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AHK
27	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU
28	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1
29	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA
30	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP
31	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)
32	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
33	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9
34	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận cho tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
35	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
36		Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VI



Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
I	Lĩnh vực giám định thương mại (2)	
1	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
2	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
II	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (4)	
1	2.001.434	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	2.001.433	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	1.013.058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ
III	Lĩnh vực Dầu khí (1)	
1		Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí
IV	Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (13)	
1	1.001.271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
2	2.000.618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
3	2.000.613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
4	1.000.878	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
5	2.000.401	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
6	2.000.251	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
7	1.001.292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
8	2.000.628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
9	2.000.624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
10	2.000.604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
11	2.001.675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
12	2.001.665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
13	2.000.046	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
V	Lĩnh vực Khoáng sản (3)	
1		Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản
2		Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản
3		Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản
VI	Lĩnh vực hóa chất (9)	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.001.547	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
2	2.001.175	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
3	2.001.172	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
4	1.002.758	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
5	2.001.161	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
6	2.000.652	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
7	1.011.506	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
8	1.011.507	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
9	1.011.508	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
	Tổng	32